

Số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09-01-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp  
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẠCH LONG VĨ, TP. HẢI PHÒNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Tuyến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Xuân Oanh

2. Ông Phạm Văn Phòng

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bạch Long Vĩ, thành phố Hải Phòng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Long Vĩ tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bạch Long Vĩ, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc "ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; Vắng mặt.

*Bị đơn:* Ông Vũ Đức L, sinh năm 1959; địa chỉ: Khu 1, huyện B, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Trần Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà chung sống với ông Vũ Đức L từ tháng 9/2011 do tự nguyện nhưng không đăng kết hôn, đến tháng 7/2013 bà và ông L mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B. Sau khi cưới (9/2011), bà và ông L sinh sống tại khu dân cư số 1, huyện B, thành phố Hải Phòng cho đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do giữa bà và ông L có nhiều điểm

không hòa hợp cả về tính cách lẫn quan điểm sống. Bà cũng đã cố gắng hòa hợp để chung sống hòa hợp với ông L, song không có kết quả mà ngược lại mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Từ đầu năm 2015 đến nay bà đã về sống cùng gia đình tại thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình còn ông L vẫn sinh sống tại đảo B. Từ đó đến nay bà và ông L không ai quan tâm và trách nhiệm đến ai nữa. Nay bà xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã kéo dài và trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, do vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Vũ Đức L.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Năm 2013 vợ chồng có mua được 01 chiếc xe máy với số tiền là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, chiếc xe do ông Vũ Đức L trực tiếp quản lý, sử dụng. Trị giá chiếc xe ở thời điểm hiện tại là 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Ly hôn bà đề nghị Tòa án giao chiếc xe cho ông L sở hữu và có trách nhiệm trả cho bà 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền phân chia tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tại các bản tự khai và trong quá trình tố tụng, bị đơn là ông Vũ Đức L xác định lời khai của bà Trần Thị Đ về thời gian kết hôn quá trình chung sống, về con chung, tài sản và nợ chung giữa ông và bà Đ như bà Đ đã khai là đúng và ông không có bổ sung gì thêm. Quan điểm của ông Vũ Đức L về yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Đức L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý với yêu cầu xin ly hôn mà bà Trần Thị Đ đưa ra, đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông và bà Trần Thị Đ.

Về tài sản chung: Ông Vũ Đức L yêu cầu Tòa án giao tài sản chung là chiếc xe máy cho bà Đ sở hữu và bà Đ có trách nhiệm trả cho ông 3.000.000đ tiền chia tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Long Vĩ phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ thời điểm thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt song đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 33, 51 và khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 các Điều 28, 147, các Điều 228, 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Đ và ông Vũ Đức L.

- Về tài sản chung: Giao cho ông Vũ Đức L sở hữu chiếc xe máy mang biển kiểm soát 14H8-1107 và buộc ông Vũ Đức L phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Đ trị giá 1/2 chiếc xe máy là 3.000.000đ.

- Về án phí: Buộc bà Trần Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự chia tài sản chung. Buộc ông Vũ Đức L phải chịu án phí dân sự chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 28 tháng 11 năm 2017 bà Trần Thị Đ nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bạch Long Vĩ, bà Trần Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Vũ Đức L và yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn. Tranh chấp được Tòa án nhân dân huyện Bạch Long Vĩ thụ lý giải quyết theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 các Điều 28, 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bà Trần Thị Đ vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Đ và ông Vũ Đức L đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân huyện B, thành phố Hải phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết số 03 ngày 26/7/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, giữa bà Trần Thị Đ và ông Vũ Đức L đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng được thể hiện quan việc ông Vũ Đức L và bà Trần Thị Đ đã sống ly thân từ đầu năm 2015, vợ chồng không ai quan tâm và trách nhiệm đến ai nữa. Xét, quan điểm về việc thuận tình ly hôn mà hai bên đương sự đưa ra là tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Đ và ông Vũ Đức L không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Ông Vũ Đức L và bà Trần Thị Đ tranh chấp tài sản chung là chiếc xe máy YAMAHA Giavitra biển kiểm soát 14H8-1107. Xét, tài sản chung là vật không phân chia được nên giao cho một bên sở hữu chiếc xe và có trách nhiệm trả tiền chia tài sản chung cho bên còn lại. Ông Vũ Đức L đang trực tiếp quản lý, sử dụng, mặt khác bà Trần Thị Đ không biết sử dụng xe máy, do đó giao chiếc xe cho ông Vũ Đức L sở hữu và có trách nhiệm trả tiền chia tài sản cho bà Đ là phù hợp. Căn cứ lời khai của hai bên đương sự, xác định công sức đóng góp vào việc tạo lập tài sản chung của bà Đ và ông L là ngang nhau. Hai bên đương sự đều thống nhất trị giá chiếc xe ở thời điểm hiện tại là 6.000.000đ, do vậy buộc ông Vũ Đức L phải trả tiền chia tài sản chung cho bà Trần Thị Đ là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Trần Thị Đ và ông Vũ Đức L mỗi người đều phải nộp án phí dân sự chia tài sản chung để sung quỹ Nhà nước.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 33, 51, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ vào các Điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Đ và ông Vũ Đức L.

2. Về tài sản chung: Giao cho ông Vũ Đức L sở hữu chiếc xe máy YAMAHA Gravitra biển kiểm soát 14H8-1107. Buộc ông Vũ Đức L phải trả cho bà Trần Thị Đ 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền chia tài sản chung.

3. Về án phí:

- Bà Trần Thị Đ phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 600.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 30-11-2017 (biên lai thu tiền số 000759).

- Ông Vũ Đức L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Ông Vũ Đức L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Bạch Long Vĩ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện BLV;
- UBND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Tuyền**